

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Giáo dục;

Chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐINH THỊ PHƯƠNG HOA**

2. Ngày tháng năm sinh: 03/02/1976; Nam  ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Tân Minh, huyện Ý Yên, thành phố Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): P502, nhà 55, ngõ 1150, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): nhà số C9, Khu nhà ở cán bộ sỹ quan, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: Không;

Điện thoại di động: 098.637.2004;

E-mail: dinhphuonghoa.ecas@gmail.com;

dinhthiphuonghoa.hlu@gmail.com.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

| <b>Từ tháng, năm đến tháng, năm</b> | <b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể)</b>   |
|-------------------------------------|--|
| 01/2003 đến 05/2007                 | Chuyên viên phòng Tổ chức – Hành chính, trường Cao đẳng sư phạm Nhạc – Họa Trung ương.   |
| 06/2007                             | Chuyên viên phòng Tổ chức – Hành chính, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.  |
| 07/2007-02/2009                     | Giảng viên Tiếng Anh, Khoa Giáo dục Đại cương, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.   |
| 03/2009 - 10/2009                   | Phó trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, giảng viên Tiếng Anh, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương. Được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 09/10/2009. |
| 11/2009 – 12/2014                   | Quyền Trưởng phòng Hợp tác Quốc tế và Trưởng phòng Hợp tác Quốc tế, giảng viên Tiếng Anh, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.  |
| 04/2012 – 04/2018                   | Bí thư Chi Bộ Hiệu Bộ I và Bí thư Chi bộ Trung tâm Ngoại ngữ, Đảng Bộ Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.  |
| 06/2014 đến 04/2018                 | Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ, giảng viên Tiếng Anh, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.  |
| 09/2014 - 04/2018                   | Chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo liên Trung tâm, giảng viên Tiếng Anh.  |
| 05/2018 đến 02/2019                 | Phó Trưởng Bộ Môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Luật Hà Nội.   |
| 03/2019 đến nay                     | Bí thư Chi bộ Bộ Môn Ngoại ngữ nay là Khoa Ngoại ngữ Pháp lý, Trường Đại học Luật Hà Nội, Giảng viên Tiếng Anh.  |
| 09/2021 đến 03/2022                 | Trưởng Bộ Môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Luật Hà Nội.   |
| 04/2022 đến nay                     | Trưởng Khoa, Khoa Ngoại ngữ Pháp lý, Trường Đại học Luật Hà Nội.   |
| 3/2024 đến nay                      | Trưởng Khoa, Khoa Ngoại ngữ Pháp lý, Giảng viên chính Trường Đại học Luật Hà Nội.  |

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Khoa, Khoa Ngoại ngữ Pháp lý;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Phòng Hợp tác Quốc tế, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*  
Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Luật Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 87 Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.38352630

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ...năm: Không

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 17 tháng 7 năm 1998; số văn bằng: B 97306; ngành: Tiếng Trung – Hệ Sư phạm; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 10 năm 2000; số văn bằng: B 239485; ngành: Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH (văn bằng 2) ngày 01 tháng 04 năm 2024; số văn bằng: HLU 014709; ngành: Luật; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 09 năm 2014; số văn bằng: V 14.12019; ngành: Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh (TESOL - Teaching English to Speakers of Other Languages); Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Tổng hợp Victoria, Australia. Công nhận văn bằng tương đương của Bộ GD&ĐT theo số 005437/CNVB-ThS ngày 29 tháng 1 năm 2015.

- Được cấp bằng TS ngày 31 tháng 05 năm 2021; số văn bằng: QT 002403; ngành: Đo lường và đánh giá trong giáo dục, chuyên ngành: Đo lường và đánh giá trong giáo dục; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): Không

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: Không

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Luật Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Giáo dục, chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Giáo dục Tiếng Anh bậc đại học tại Việt Nam (Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Tiếng Anh, Tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực luật học, Khảo thí Tiếng Anh)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 03 đề tài cấp Bộ (trong đó, chủ nhiệm 03/03 đề tài);
- Đã công bố 17 bài báo khoa học, trong đó 07 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (gồm 05 bài là tác giả chính, 02 bài là đồng tác giả);
- Đã được cấp: 02 giải pháp hữu ích (sáng kiến kinh nghiệm);
- Số lượng sách đã xuất bản 02 giáo trình và 02 chương sách quốc tế của nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

15.1. Về Đảng: Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ từ năm 2011 đến nay

15.2. Về chính quyền:

\* *Danh hiệu thi đua:*

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở tại Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương các năm học: 2007-2008, 2008-2009, 2010-2011, 2012-2013, 2013-2014, 2014-2015 và tại Trường Đại học Luật Hà Nội các năm: 2020, 2021, 2022, 2023;
- Chiến sĩ thi đua cấp Bộ - Bộ Giáo dục và Đào tạo từ năm học 2012-2013 đến năm học 2014-2015;
- Chiến sĩ thi đua Ngành Tư pháp giai đoạn 2021-2023;

\* *Hình thức khen thưởng:*

- Giấy khen của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương:
  - + Trưởng phòng Hợp tác Quốc tế, Trưởng ban biên tập Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật, Website - Có thành tích đóng góp cho sự nghiệp Giáo dục Nghệ thuật của trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương năm 2013;
  - + Trưởng phòng Hợp tác Quốc tế - Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2013-2014;
  - + Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2014-2015;
  - + Khen thưởng cá nhân - Có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển của Nhà trường nhân dịp kỷ niệm 45 năm năm 2015;
  - + Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2016-2017.
- Giấy khen của Ban chấp hành Công đoàn trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương- Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2014-2015; Đoàn viên Công đoàn Trung tâm Ngoại ngữ - Nữ đoàn viên “Giỏi việc trường, đảm việc nhà” năm học 2015-2016;
- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội cho tập thể và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động đào tạo sau đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2023;

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp cho quá trình 45 năm xây dựng và phát triển của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2024.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a. Tiêu chuẩn nhà giáo (giảng viên):

- Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn nhà giáo về tư cách đạo đức và trình độ, nghiệp vụ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ giảng viên tại Trường Đại học Luật Hà Nội:

+ Đã được cấp chứng nhận Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp năm 2017; Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường Đại học Luật Hà Nội cấp năm 2019, Chứng nhận đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học của Học viện Quản lý Giáo dục năm 2022, Chứng nhận đã hoàn thành chương trình: Đào tạo, bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng của Học viện Tư Pháp năm 2018, Bằng Tốt nghiệp Trung cấp Lý luận Chính trị do Học viện Tư Pháp cấp năm 2019, Chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 3 do Trường Quân sự Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội cấp năm 2020.

- Luôn giữ gìn và trau dồi phẩm chất của một nhà giáo, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, nhiệt tình, tích cực trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên, học viên sau đại học trong học tập và nghiên cứu khoa học; có sức khỏe và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao:

- Trong thời gian công tác và giảng dạy, tôi luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy định của nhà trường. Dựa vào Luật giáo dục; Luật giáo dục đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học và Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập, bản thân tôi tự đánh giá đạt tiêu chuẩn của nhà giáo.

b. Nhiệm vụ nhà giáo (giảng viên):

- Về trực tiếp giảng dạy, đào tạo: thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của giảng viên, trong thời gian tham gia giảng dạy từ bậc đại học trở lên luôn đạt và vượt số giờ chuẩn định mức giảng dạy và số giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp; tham gia các Hội đồng đánh giá, hướng dẫn sinh viên và học viên sau đại học thực hiện nghiên cứu và hoàn thành tốt chương trình đào tạo.

- Về nghiên cứu khoa học: tích cực, liên tục chủ trì, tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp. Từ những nhiệm vụ khoa học công nghệ này, ngoài việc cung cấp những dẫn liệu, thông tin và công bố khoa học, việc thực hiện nghiên cứu đã hỗ trợ cho đào tạo sinh viên và học viên sau đại học cũng như nâng cao năng lực nghiên cứu của bản thân để từ đó chọn lọc để đưa vào áp dụng trong giảng dạy, đào tạo. Bên cạnh đó, bản thân tôi luôn tham gia các hội nghị, hội thảo về khoa học trong nước và quốc tế.

- Về thực hiện các nhiệm vụ khác: bên cạnh công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, bản thân tôi liên tục tham gia vào công tác rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo cũng như những nhiệm vụ liên quan khác do Nhà trường phân công.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **18 năm** (từ 7/2007 đến nay).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|---|------------------------------------|-----|---|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |   | ĐH                                 | SDH |   |
| 1               | 2019-2020 | 0                         | 0   | 0                                  | 0                                       | 348                                | 0   | 348/348/202,5   |
| 2               | 2020-2021 | 0                         | 0   | 0                                  | 0                                       | 362                                | 0   | 362/362/202,5   |
| 3               | 2021-2022 | 0                         | 0   | 0                                  | 0                                       | 385                                | 0   | 385/414,9/180   |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |   |                                    |     |   |
| 4               | 2022-2023 | 0                         | 0   | 2                                  | 0                                       | 308                                | 16  | 324/520,8/180   |
| 5               | 2023-2024 | 0                         | 0   | 0                                  | 0                                       | 292                                | 21  | 313/369,7/174   |
| 6               | 2024-2025 | 0                         | 0   | 0                                  | 0                                       | 328                                | 60  | 388/462,6/132   |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

- Năm học 2019-2020 thực hiện theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội (Ban hành kèm theo Quyết định số 1949/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội và được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1090/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội).

- Từ năm học 2020-2021, thực hiện theo Quyết định số 2273/QĐ-ĐHLHN ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu Trường Đại học Luật Hà Nội.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH ; tại nước: ..... năm.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ (Tiếng Anh): Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam; số bằng: B 239485; năm cấp: 2000.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 10 năm 2000; số văn bằng: B 239485; ngành Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam.

4. Hướng dẫn 02 HVCH đã được cấp bằng như sau:

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                 | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng          |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|-------------------------------|--|
|    |                               | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                               |  |
| 1  | Nguyễn Minh Thảo              |           | HVCH          | X                     |     | Từ tháng 12/2022 đến tháng 07/2023 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Ngày 07 tháng 08 năm 2023 được cấp bằng, số hiệu: SPH.B 000287 |
| 2  | Nguyễn Thị Thắm               |           | HVCH          | X                     |     | Từ tháng 12/2022 đến tháng 12/2023 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | Ngày 14 tháng 12 năm 2023 được cấp bằng, số hiệu: SPH.B 000765 |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách   | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản   | Số tác giả | Chủ biên     | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)                                 |
|----|--|----------------------------|--|------------|--------------|---|--|
| I  | <b>Trước khi được công nhận TS (trước 31/5/2021)</b>   |                            |  |            |              |   |  |
|    | Không  |                            |  |            |              |   |  |
| II | <b>Sau khi được công nhận TS (sau 31/5/2021)</b>   |                            |  |            |              |   |  |
| 1  | Chapter 9: “The Washback Effect of the Vietnam Six-levels of Foreign Language Proficiency Framework (KNLNNVN): The Case of the English Proficiency Graduation Benchmark in | Chương sách quốc tế        | Springer, 2021, ISBN 978-981-33-4231-6<br>ISBN 978-981-33-4232-3 (eBook) | 2          | First author | Từ trang 99 đến trang 125               | Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách do Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ký ngày 26 |

|   |  |                     |  |    |   |   |   |
|---|--|---------------------|--|----|---|---|---|
|   | Vietnam” - Book<br>“Challenges in Language Testing Around the World – Insights for Language test users”<br>DOI:<br><a href="https://doi.org/10.1007/978-981-33-4232-3_9">https://doi.org/10.1007/978-981-33-4232-3_9</a> |                     |  |    |   |   | tháng 6 năm 2025  |
| 2 | Basic Legal English – Using Language in Legal Contexts   | GT                  | Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 2021<br>ISBN: 978-604-72-5534-4   | 21 | X | + Unit 1, 12, 14 (Tác giả chính)<br>+ Unit 2, 7, 10 (tác giả) | Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách do Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ký ngày 26 tháng 6 năm 2025 |
| 3 | Advanced Legal English – Using Language in Legal Contexts  | GT                  | Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 2021<br>ISBN: 978-604-72-5534-4   | 22 | X | Unit 6, Unit 9 và Unit 15 (đồng tác giả)                      | Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách do Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ký ngày 26 tháng 6 năm 2025 |
| 4 | Chapter 14: “Teacher Capacity Building in High-Performing Digital Education Ecosystem” – Book “Digital Skill Development For Industry 4.0”<br>DOI:<br>10.1201/9781003504894  | Chương sách quốc tế | Nhà xuất bản CRC Press – Taylor & Francis Group, 2025, ISBN: 978-1-032-53197-7 (hbk)<br>ISBN: 978-1-032-82509-0 (pbk)<br>ISBN: 978-1-003-50489-4 (ebk) | 4  |   | Từ trang 160 đến 171  | Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách do Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ký ngày 26 tháng 6 năm 2025 |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 02 chương sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản (STT: 1, 4)

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)</b>  | <b>CN/PCN/TK</b> | <b>Mã số và cấp quản lý</b>   | <b>Thời gian thực hiện</b> | <b>Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ</b> |
|-----------|--|------------------|---|----------------------------|--|
| I         | <b>Trước khi được công nhận TS (trước 31/5/2021)</b>   |                  |   |                            |  |
| 1         | Xây dựng chương trình hỗ trợ dạy học kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương   | CN               | Đề tài khoa học cấp Bộ - Bộ Giáo dục và Đào tạo; Mã số: B2008 – 36 – 11 | Năm 2008 - 2009            | Năm 2010; Xếp loại: Tốt                                    |
| 2         | Các giải pháp nâng cao năng lực dạy học tiếng Anh cho giảng viên, sinh viên ngành Sư phạm Nghệ thuật theo mục tiêu của Đề án Ngoại ngữ Quốc Gia 2020 | CN               | Đề tài khoa học cấp Bộ - Bộ Giáo dục và Đào tạo; Mã số: GD – 17         | Năm 2017 - 2018            | Năm 2019; Xếp loại: Đạt                                    |
| II        | <b>Sau khi được công nhận TS (sau 31/5/2021)</b>   |                  |   |                            |  |
| 3         | Nghiên cứu khả năng áp dụng mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo luật trong bối cảnh tự chủ đại học | CN               | Đề tài khoa học cấp Bộ - Bộ Tư Pháp Mã số: 2023-58-1004/NS-KQNC         | Năm 2021 - 2022            | Năm 2022; Xếp loại: Đạt                                    |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| <b>TT</b> | <b>Tên bài báo/báo cáo KH</b>  | <b>Số tác giả</b> | <b>Là tác giả chính</b> | <b>Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN</b> | <b>Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)</b> | <b>Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)</b> | <b>Tập, số, trang</b>     | <b>Tháng, năm công bố</b> |
|-----------|--|-------------------|-------------------------|--|--|---|---------------------------|---------------------------|
| I         | <b>Trước khi được công nhận TS (trước 31/5/2021)</b>                                   |                   |                         |  |  |   |                           |                           |
| 1         | Một số giải pháp tăng cường các kỹ năng thực hành Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên | 01                | X                       | Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật ISSN 1859-4964             |  |   | Số 15, từ trang 80 đến 85 | Năm 2015                  |

|  |  |    |   |   |  |  |                                       |                 |
|--|--|----|---|---|--|--|---------------------------------------|-----------------|
|  | ngữ trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương   |    |   |   |  |  |                                       |                 |
| 2  | Những mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục đại học qua các thời kỳ phát triển của giáo dục đại học trên thế giới và Việt Nam – hội nhập cùng phát triển     | 02 |   | Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật<br>ISSN 1859-4964 |  |  | Số 19, từ trang 92 đến 101            | Năm 2016        |
| II   | <b>Sau khi được công nhận TS (sau 31/5/2021)</b>   |    |   |   |  |  |                                       |                 |
| <b>Bài báo công bố trên tạp chí tại Việt Nam</b> |  |    |   |   |  |  |                                       |                 |
| 3  | Tích hợp nền tảng số vào Blended Learning: Đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh tại Trường Đại học Luật Hà Nội  | 01 | X | Tạp chí Giáo dục và Xã hội<br>ISSN 1859-3917  |  |  | Số 170 (231), trang 106-110           | Năm 2025 (Kì 1) |
| 4  | Nghiên cứu đề xuất chỉnh sửa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo định hướng tiếp cận năng lực: Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Luật Hà Nội | 01 | X | Tạp chí Giáo dục, Bộ GD&ĐT<br>ISSN 2354-0753  |  |  | Tập 25 (số đặc biệt 4), trang 456-461 | Năm 2025        |
| 5  | Tác động của đề thi ngôn ngữ đến hoạt động dạy và học Tiếng Anh ở một số nước trên thế giới và Việt nam: So sánh kết quả từ nghiên cứu lý luận             | 01 | X | Tạp chí Giáo dục và Xã hội<br>ISSN 1859-3917  |  |  | Số 171 (232), trang 144-148           | Năm 2025 (Kỳ 2) |
| 6  | Kiểm tra đánh giá năng lực Tiếng Anh cho sinh viên ngành Luật tại Trường Đại học Luật Hà Nội   | 01 | X | Tạp chí Tâm lý - Giáo dục<br>ISSN 2734-9217   |  |  | Tập 31, số 06, trang 149-153          | Năm 2025 (Kỳ 2) |
| 7  | Quá trình hình thành và phát triển chính sách kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ Giáo dục Đại học tại                                  | 02 | X | Tạp chí Giáo dục, Bộ GD&ĐT<br>ISSN 2354-0753  |  |  | Tập 25 (số đặc biệt 5), trang 57-63   | Năm 2025        |

|   |   |    |   |  |  |   |                                    |                 |
|---|---|----|---|--|--|---|------------------------------------|-----------------|
|   | Việt Nam  |    |   |  |  |   |                                    |                 |
| 8   | Ứng dụng thực tế ảo (Virtual Reality) trong việc giảng dạy kỹ năng nói cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh – chuyên ngành Tiếng Anh Pháp lý tại Trường Đại học Luật Hà Nội   | 01 | X | Tạp chí Tâm lý - Giáo dục<br>ISSN 2734-9217  |  |   | Tập 31, số 06, trang 173-176       | Năm 2025 (Kỳ 3) |
| 9   | Nâng cao hiệu quả tự học tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ - Nghiên cứu trường hợp điển hình tại Trường Đại học Luật Hà Nội  | 01 | X | Tạp chí Giáo dục và Xã hội<br>ISSN 1859-3917   |  |   | Số 171 (232), trang 65-69          | Năm 2025 (kì 1) |
| 10  | Thực trạng đào tạo theo BL (Blended-learning) trong các cơ sở giáo dục đại học đào tạo Luật ở Việt Nam  | 01 | X | Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội<br>ISSN: 0866-756X  |  |   | Số 6 (145), trang 28-39            | Năm 2025        |
| <b>Bài báo công bố trên tạp chí Quốc tế</b> |   |    |   |  |  |   |                                    |                 |
| 11  | Technology-Assisted Classroom Practices in Collectivistic Culture-Oriented Education Environment<br>DOI:<br><a href="https://doi.org/10.18848/2327-0128/CGP/v31i02/17-35">https://doi.org/10.18848/2327-0128/CGP/v31i02/17-35</a> | 02 |   | The International Journal of Learner Diversity and Identities<br>ISSN: 2327-0128 (Print),<br>ISSN: 2327-2627 (Online)  | Scopus (Q3 Culture)/<br>Q4 (Education) | 0 | Volume 31, Issue 2, 2024, pp.17-35 | Năm 2024        |
| 12  | Washback Of English Proficiency Test B1 In Classroom Activities At Hanoi Law University   | 01 | X | IOSR Journal of Research & Method in Education (IOSR-JRME)<br>e-ISSN: 2320-7388,<br>p- ISSN: 2320-737x<br><a href="http://www.iosrjournals.org">www.iosrjournals.org</a> |  |   | Volume 14, Issue 3 Ser.1, 48-58    | Năm 2024        |
| 13  | Recommendations   | 03 | X | International  | Scopus                                 |   | Volume                             | Năm             |

|    |   |    |   |  |  |   |                                      |          |
|----|---|----|---|--|--|---|--------------------------------------|----------|
|    | For Policy Implementation Of Teaching English As A Second Language In Vietnam's Education System  |    |   | Journal of Environmental Sciences, ISSN: 2229-7359   | Q4   |   | 11, No. 5s, pp.411-417               | 2025     |
| 14 | Using Pictures to Enhance Fluency and Engagement among Second Year Non-Major Students at Hanoi Law University (HLU)<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.63332/joph.v5i6.2415">https://doi.org/10.63332/joph.v5i6.2415</a> | 01 | X | Journal of Posthumanism<br>ISSN: 2634-3576 (Print)/2634-3584 (Online)<br>URL: <a href="http://posthumanism.co.uk">posthumanism.co.uk</a> | Scopus Q1 (Cultural Studies)/ Q3 (Social Sciences) | 0 | Volume 5, No. 6, pp. 2954–2992       | Năm 2025 |
| 15 | Challenges of Teaching Legal English at a Law Higher Education Institution – Lecturers' Voices  | 02 |   | Indonesian Journal of English Language Studies (IJELS)<br>e-ISSN 2715-0895<br>p-ISSN 2442-790X   |  |   | Vol.11, No. 1, pp.83-91              | Năm 2025 |
| 16 | Washback of The Vietnam 6-Levels Foreign Language Competency Framework on Institutional Policies and Teaching English for Non-English Major Students at Hanoi Law University  | 01 | X | FAR Journal of Arts, Humanities and Social Studies (FARJAHSS)<br>ISSN: 3049-1371 (Online)  |  |   | Volume 2, Issue V, 2025, page: 10-19 | Năm 2025 |
| 17 | Vietnam's University Autonomy Policy: An Educational Policy Analysis Perspective  | 02 | X | International Journal of Environmental Sciences, ISSN: 2229-7359   | Scopus Q4 (Science)                                | 0 | Vol. 11, No. 12s, pp 623-630         | Năm 2025 |

- Trong đó: 5 bài báo khoa học (STT: 12, 13, 14, 16, 17) đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|------------------------|------------|------------------|---------------------------------------|---|----------------|--------------------|
|----|------------------------|------------|------------------|---------------------------------------|---|----------------|--------------------|

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                             |  |  | <i>hoặc ISBN</i> |  |  |  |
|----|-----------------------------|--|--|------------------|--|--|--|
| I  | Trước khi được công nhận TS |  |  |                  |  |  |  |
| 1  |                             |  |  |                  |  |  |  |
| II | Sau khi được công nhận TS   |  |  |                  |  |  |  |
| 1  |                             |  |  |                  |  |  |  |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Sáng kiến kinh nghiệm

| <i>TT</i> | <i>Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích</i>  | <i>Tên cơ quan cấp</i>                       | <i>Ngày tháng năm cấp</i> | <i>Tác giả chính/ đồng tác giả</i> | <i>Số tác giả</i> |
|-----------|--|--|---------------------------|------------------------------------|-------------------|
| 1         | Hỗ trợ Giáo dục Mỹ thuật cho các trường tiểu học Việt Nam  | Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương | 06/03/2013                | Tác giả chính                      | 1                 |
| 2         | Chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên dạy học Âm nhạc, Mỹ thuật trong các trường Tiểu học | Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương | 06/03/2013                | Tác giả chính                      | 1                 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| <i>TT</i> | <i>Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT</i> | <i>Cơ quan/tổ chức công nhận</i> | <i>Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)</i> | <i>Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế</i> | <i>Số tác giả</i> |
|-----------|---|----------------------------------|---|---|-------------------|
| 1         |   |                                  |   |   |                   |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| <i>TT</i> | <i>Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN</i>      | <i>Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)</i> | <i>Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)</i> | <i>Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng</i> | <i>Văn bản đưa vào áp dụng thực tế</i>   | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|---|---------------------------------------|---|---|--|----------------|
| 1         | Chương trình đào tạo Ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh Pháp lý | Tham gia/chủ trì                      | Số 582/QĐ-ĐHLHN ngày 26 tháng 02 năm 2021           | Năm 2021                                  | Quyết định số 2677 ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội |                |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| <b>TT</b> | <b>Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN</b>      | <b>Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)</b> | <b>Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)</b> | <b>Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng</b> | <b>Văn bản đưa vào áp dụng thực tế</b>  | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---|---------------------------------------|---|---|---|----------------|
| 2         | Chương trình đào tạo Ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh Pháp lý | Tham gia/chủ trì                      | Số 3442/QĐ-ĐHLHN ngày 09 tháng 8 năm 2023           | Năm 2025                                  | Quyết định số 2943 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội |                |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: .....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: .....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
ỦV đề xuất sử dụng 01 Chương sách Quốc tế (stt: 01) để thay thế cho 1 BBQT. BBQT  
này (stt 17) đã công bố trên tạp chí International Journal of Environmental Sciences, Vol.  
... Is ..., nhưng vì mới xuất bản nên chưa kịp lập chỉ mục trong hệ thống Scopus). Thông  
tin về Chương sách quốc tế như sau:

**Chapter 9: “The Washback Effect of the Vietnam Six-levels of Foreign Language Proficiency Framework (KNLNNVN): The Case of the English Proficiency Graduation Benchmark in Vietnam” - Book “Challenges in Language Testing Around the World – Insights for Language test users”. DOI: [https://doi.org/10.1007/978-981-33-4232-3\\_9](https://doi.org/10.1007/978-981-33-4232-3_9), NXB Springer, 2021.**

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2025

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Đinh Thị Phương Hoa**